

Giáo án Đại số 7

Bài 1: TẬP HỢP Q CÁC SỐ HỮU TỶ

I Mục tiêu:

1/ Kiến thức:

- Biết được số hữu tỷ là số viết được dưới dạng $\frac{a}{b}$ với a, b là các số nguyên và b khác 0.

2/ Kỹ năng:

- Biết biểu diễn một số hữu tỷ trên trục số, biết biểu diễn một số hữu tỷ bằng nhiều phân số bằng nhau.
- Biết so sánh hai số hữu tỷ, thực hiện thành thạo các phép toán về số hữu tỷ và giải các bài tập vận dụng quy tắc các phép toán trong Q.

3/ Thái độ:

- Cẩn thận, chính xác, nghiêm túc trong học tập.

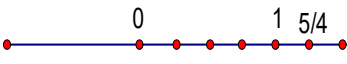
II Chuẩn bị:

- **GV**: SGK, trục số.
- **HS**: SGK, dụng cụ học tập.

III Tiến trình bài dạy:

1/ Ôn định tổ chức:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Ghi bảng
<u>2/ Kiểm tra bài cũ:</u> Cho ví dụ phân số? Cho ví	HS nêu một số ví dụ về phân số, ví dụ về phân số bằng nhau, từ đó phát	<u>I/ Số hữu tỷ:</u>

dụ về hai phân số bằng nhau? <u>3/ Giới thiệu bài mới:</u> Gv giới thiệu tổng quát về nội dung chính của chương I. Giới thiệu nội dung của bài 1. <u>Hoạt động 1: Số hữu tỷ:</u> Viết các số sau dưới dạng phân số: 2 ; -2 ; -0,5 ; $2\frac{1}{3}$? Gv giới thiệu khái niệm số hữu tỷ thông qua các ví dụ vừa nêu. <u>Hoạt động 2: Biểu diễn số hữu tỷ trên trục số:</u> Vẽ trục số? Biểu diễn các số sau trên trục số: -1 ; 2; 1; -2? GV: Tương tự số nguyên ta cũng biểu diễn được số hữu tỉ trên trục số	biểu tính chất cơ bản của phân số. Hs viết các số đã cho dưới dạng phân số: $2 = \frac{2}{1} = \frac{4}{2} = \frac{6}{3} \dots$ $-2 = \frac{-2}{1} = \frac{-4}{2} = \frac{-6}{3} \dots$ $-0,5 = \frac{-1}{2} = \frac{-2}{4} = \frac{-3}{6} \dots$ $2\frac{1}{3} = \frac{7}{3} = \frac{14}{6} = \frac{28}{12} \dots$ Hs vẽ trục số vào giấy nháp. Biểu diễn các số vừa nêu trên trục số .	Số hữu tỷ là số viết là số viết được dưới dạng phân số $\frac{a}{b}$ với $a, b \in \mathbb{Z}$, $b \neq 0$. Tập hợp các số hữu tỷ được ký hiệu là $\mathbb{Q}$. <u>II/ Biểu diễn số hữu tỷ trên trục số:</u> HS: Lên bảng biểu diễn. * VD: Biểu diễn $\frac{5}{4}$ trên trục số  B₁: Chia đoạn thẳng đv ra 4, lấy 1 đoạn làm đv mới, nó bằng $\frac{1}{4}$ đv cũ B₂: Số $\frac{5}{4}$ nằm ở bên phải 0, cách 0 là 5 đv mới. VD2: Biểu diễn $\frac{2}{-3}$ trên
---	---	---

Nêu ví dụ b? Nêu ví dụ c? Qua ví dụ c, em có nhận xét gì về các số đã cho với số 0? GV nêu khái niệm số hữu tỷ dương, số hữu tỷ âm. Lưu ý cho Hs số 0 cũng là số hữu tỷ. Trong các số sau, số nào là số hữu tỷ âm: <u>4/ Củng cố:</u> Làm bài tập áp dụng 1; 2; 3/ 7.	Hs nêu nhận xét: Các số có mang dấu trừ đều nhỏ hơn số 0, các số không mang dấu trừ đều lớn hơn 0. Hs xác định các số hữu tỷ âm. Gv kiểm tra kết quả và sửa sai nếu có.	$0 = \frac{0}{2}$ $\text{vì } -1 < 0 \Rightarrow \frac{-1}{2} < \frac{0}{2}$ $\Rightarrow \frac{-1}{2} < 0.$ <u>Nhận xét:</u>
--	---	---

5. Hướng dẫn: Học thuộc bài và giải các bài tập 4; 5 / 8 và 3; 4; 8 SBT.

HD: Bài tập 8 SBT: dùng các cách so sánh với 0, so sánh với 1 hoặc -1 để giải.